

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2024

Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Trọng tâm là các hoạt động kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu số trong công tác chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xây dựng xã hội số và đảm bảo an toàn thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đời sống xã hội và sự hài lòng của người dân; thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên địa bàn tỉnh theo chủ trương, lộ trình, hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2024, như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 06 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy Tiền Giang về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án Chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy mạnh phát triển chính quyền số, kinh tế số, xây dựng xã hội số và đảm bảo an toàn thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đời sống xã hội và sự hài lòng của người dân; thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên địa bàn tỉnh theo chủ trương, lộ trình, hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Từng bước hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển Chính quyền số

- 100% văn bản điện tử được ký số theo quy định; trong đó: 50% văn bản điện tử ký số toàn trình.

- 90% hồ sơ lưu trữ điện tử được tạo lập và quản lý trên hệ thống phần mềm theo quy định.

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình (DVC TT) phải được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Chỉ tiêu trong thực hiện dịch công trực tuyến và tỷ lệ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại cấp huyện, cấp xã thực hiện theo tinh thần Công văn số

4842/UBND-KSTT ngày 06/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện dịch vụ công trực tuyến và chứng thực điện tử.

- 100% DVC TT có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng Dịch vụ công tỉnh; Phần đầu đạt 40% thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của DVC TT.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC phải được số hóa và tạo lập, lưu trữ vào Kho dữ liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, Cổng Dịch vụ công Quốc gia; đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần khi thực hiện dịch DVC TT.

- 90% báo cáo định kỳ, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ của các cơ quan nhà nước được cập nhật, thực hiện trên Hệ thống báo cáo đa ngành của tỉnh, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- 100% sở, ban, ngành, địa phương ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và có kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục; ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, kế hoạch công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước (CQNN) thuộc phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch; cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch.

- Triển khai thí điểm Trợ lý ảo trong CQNN để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- 100% phản ánh kiến nghị của người dân tiếp nhận trên hệ thống phản ánh kiến nghị được xử lý đúng tiến độ, kịp thời.

b) Phát triển Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 15% GDP.

- Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, dùng thử các nền tảng chuyển đổi số doanh nghiệp, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.

- Phần đầu 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 85% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- 100% các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí, thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Phát triển Xã hội số

- 80% thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh.

- 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 80% hộ gia đình có kết nối Internet cáp quang băng rộng.

- 85% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- 70% dân số trong độ tuổi lao động được phổ cập kỹ năng số cơ bản để khai thác các nền tảng số, dịch vụ số.

- 100% dân số từ đủ 14 tuổi trở lên đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử VNeID.

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân hoặc chữ ký điện tử để thực hiện các giao dịch trên môi trường điện tử.

- Phần đầu 80% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong công tác giảng dạy và học tập (*hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu, kho học liệu số mở*).

- Triển khai thí điểm mô hình xã/phường/thị trấn chuyển đổi số toàn diện.

d) Bảo đảm an toàn thông tin

- 100% hệ thống thông tin của các CQNN cấp tỉnh, cấp huyện được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin.

- 100% máy tính CBCCV tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được triển khai giải pháp phòng, chống mã độc bảo vệ tập trung.

- Xây dựng, phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh Tiền Giang cho các hệ thống thông tin của tỉnh và kết nối với Hệ thống hỗ trợ, giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia để đánh giá rủi ro, giám sát, phát hiện tấn công, cảnh báo sớm, ngăn chặn kịp thời và ứng cứu các sự cố liên quan đến an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về an toàn thông tin, bảo mật cho Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và CBCCV trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Trong năm tổ chức ít nhất 01 cuộc diễn tập, thực chiến về an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

a) Tiếp tục tuyên truyền, sâu rộng các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số nhằm nâng cao nhận thức của CBCCV, người dân, toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và an toàn thông tin.

c) Tổ chức truyền thông, lan tỏa sâu rộng về các nền tảng chuyển đổi số, công nghệ số trên các chuyên trang, chuyên mục, kênh thông tin của Báo Ấp Bắc, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang; Cổng thông tin điện tử tỉnh; trên các Cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

d) Tổ chức các hoạt động, hưởng ứng ngày Chuyển đổi số 10/10 theo Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang.

đ) Triển khai, phổ biến các quy định mới về công tác chuyển đổi số: Luật giao dịch điện tử,....

2. Thể chế số

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ xã hội mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số.

b) Ban hành kịp thời các văn bản pháp luật theo quy định nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh như: chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số, chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

c) Rà soát sửa đổi bổ sung hoặc ban hành quy chế, quy định thay thế các quy chế, quy định về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số của tỉnh để phù hợp cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3. Hạ tầng số

a) Phát triển hạ tầng dịch vụ Internet băng thông rộng, phủ sóng 3G, 4G đến 100% ấp/khu phố; mở rộng phạm vi thí điểm mạng thông tin di động 5G.

b) Nâng cao tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân; tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn theo Kế hoạch Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025.

c) Chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (giai đoạn 1) theo mô hình điện toán đám mây và đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định khác; dịch chuyển các ứng dụng lên nền tảng điện toán đám mây.

d) Đầu tư hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để đảm bảo kết nối, tổ chức quản lý đài truyền thanh ứng dụng CNTT - viễn thông cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT - viễn thông.

đ) Triển khai tích hợp các nền tảng, ứng dụng của các Bộ, ngành, Trung ương với các ứng dụng của tỉnh để liên thông, tích hợp dữ liệu.

e) Tăng cường triển khai các ứng dụng AI (AI - Artificial intelligence) trong các nền tảng số của tỉnh.

4. Dữ liệu số

a) Triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu số, dữ liệu mở tỉnh Tiền Giang; xây dựng, vận hành Cổng dữ liệu mở, dùng chung của tỉnh. Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung, cổng dữ liệu mở của tỉnh, cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa CQNN qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Trục liên thông tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông suốt, tránh đầu tư chồng chéo, lãng phí, tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

c) Triển khai phát triển Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân giải quyết TTHC để triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

d) Tiếp tục hoàn thiện và khai thác các CSDL/hệ thống thông tin (HTTT) chuyên ngành; phát triển, xây dựng mới HTTT/CSDL ngành.

5. Nền tảng số

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), bảo đảm kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

b) Đẩy mạnh triển khai các nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh: phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; nền tảng họp trực tuyến; thư điện tử công vụ; Công Dịch vụ công; hệ thống báo cáo đa ngành,.....

c) Triển khai thí điểm Ứng dụng trợ lý ảo cho CBCCVC và người dân theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

d) Hoàn thiện Nền tảng xác thực tập trung; Triển khai Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh thông tin mạng (SOC).

đ) Tiếp tục phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Tiền Giang (LGSP) kết nối, tích hợp các CSDL/HTTT của tỉnh liên thông tích hợp và chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu Quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

6. Nhân lực số

a) Xây dựng, thực hiện các kế hoạch, chương trình tập huấn, bồi dưỡng cho CBCCVC về bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số, an toàn, an ninh thông tin, kỹ năng phân tích xử lý dữ liệu.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin.

c) Tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Kiện toàn đội ngũ chuyên trách làm công tác chuyển đổi số và an toàn thông tin ở các địa phương trên địa bàn tỉnh.

đ) Nâng cao trình độ, kiến thức kỹ năng số cho các thành viên trong Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp trên địa bàn tỉnh.

e) Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số.

7. An toàn thông tin mạng

a) Tiếp tục triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung bảo vệ cho 100% thiết bị đầu cuối tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

c) Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

d) Xây dựng hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh thông tin mạng (SOC) tinh kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

đ) Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các đơn vị, tổ chức trực thuộc cơ quan theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

8. Chính quyền số

a) Tiếp tục phát triển và khai thác hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành: phát triển hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản và điều hành trao đổi, gửi nhận văn bản điện tử; phát triển hệ thống thông tin báo cáo đa ngành để bảo đảm 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội, báo cáo ngành, lĩnh vực từ cấp xã đến cấp thành phố phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

b) Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ nhu cầu chia sẻ dữ liệu đã được chuẩn hóa của các CQNN trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 458/KH-UBND ngày 08/11/2023 về xây dựng và công bố dữ liệu mở các cơ quan nhà nước tỉnh Tiền Giang.

c) Triển khai các giải pháp tích hợp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tiền Giang (IOC) với các hệ thống phần mềm khác của tỉnh có sử dụng dữ liệu quốc gia về dân cư để thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

d) Triển khai ứng dụng nền tảng số TienGiangG phục vụ cán bộ, công chức, viên chức trong các CQNN nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

đ) Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh tỷ lệ DVC TT phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của tỉnh, đặc biệt là ở cấp huyện và cấp xã theo kế hoạch số về nâng cao DVC TT.

e) Thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; cung cấp DVC TT đối với các TTHC đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

g) Đẩy mạnh các giải pháp khuyến khích người dân và doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện các TTHC.

9. Kinh tế số

a) Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử (TMĐT) với doanh nghiệp phân phối truyền thống (offline), nhà sản xuất; Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số.

b) Triển khai mạnh mẽ các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển TMĐT đẩy mạnh phát triển nền kinh tế số; Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục - đào tạo thuộc phạm vi quản lý. Vận động, khuyến khích các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các hình thức miễn, giảm phí, khuyến mãi, giảm giá,... đối với khách hàng khi sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

c) Phối hợp với các doanh nghiệp phát triển nền tảng TMĐT đẩy mạnh triển khai kế hoạch rà soát, lựa chọn các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia sàn TMĐT nhằm kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

d) Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh.

đ) Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 nhằm có số liệu đo lường về mức độ tham gia hoạt động kinh tế số của các doanh nghiệp (như: Kinh tế số, Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu, Năng suất lao động hàng năm tối thiểu, Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử...).

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác xúc tiến, thu hút đầu tư trong lĩnh vực CNTT vào Khu Công viên phần mềm MeKong - Tiền Giang và thúc đẩy phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh.

10. Xã hội số

a) Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng công dân số tại địa chỉ <https://congdanso.mic.gov.vn> và ứng dụng công dân số tỉnh Tiền Giang (ứng dụng TienGiangS).

b) Đẩy mạnh triển khai chữ ký số cá nhân (ưu tiên ký số từ xa theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Chính phủ) trong thực hiện DVC TT, đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản, hồ sơ điện tử; Tích hợp chữ ký số vào Cổng dịch vụ công của tỉnh để người dân, doanh nghiệp thực hiện các DVC TT trên môi trường mạng.

c) Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là DVC TT, các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, các dịch vụ số trong lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, hội thảo, hội thi tìm hiểu về chuyển đổi số; quán triệt quan điểm chuyển đổi số là chuyển đổi tư duy, nhận thức và hành động cho toàn thể đảng viên, CBCCVC, sinh viên, học sinh và người dân trong toàn tỉnh.

b) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về chính quyền số, trong đó chú trọng tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các hội thi trực tuyến trong đó nội dung sử dụng các ứng dụng CNTT như Cổng dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến,... Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ của chính quyền số cung cấp bằng các phương pháp trực quan, sinh động, gần gũi, dễ hiểu, dễ làm.

c) Phát huy vai trò của các nền tảng số và các trang mạng xã hội, là kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp. Tăng cường cung cấp thông tin trên trang chuyển đổi số tỉnh và chuyên mục chuyển đổi số của các báo, đài, Cổng thông tin điện tử tỉnh nhằm kịp thời cung cấp thông tin về hoạt động chuyển đổi số mới nhất đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh biết tham gia.

d) Tiếp tục ứng dụng nền tảng mở học đại trà để phổ cập kỹ năng số đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tiếp tục thực hiện các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp lĩnh vực thông tin và truyền thông triển khai hạ tầng, dịch vụ ứng dụng CNTT.

b) Có cơ chế để tạo động lực cho các doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh, trong nước tham gia thí điểm các mô hình chuyển đổi số hay phục vụ tiện ích cho CQNN, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Nghiên cứu, hợp tác làm chủ đầu tư, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Khuyến khích các cá nhân, tổ chức đăng ký, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực chuyển đổi số, đồng thời tận dụng kết quả các đề tài nghiên cứu để áp dụng vào thực tế tại các cơ quan, đơn vị nhà nước phù hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và tiện ích cho người dân, doanh nghiệp.

b) Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh trong công tác nghiên cứu, tổ chức hội thảo, hội nghị nhằm giới thiệu những thành tựu CNTT và khả năng ứng dụng vào hoạt động của CQNN, doanh nghiệp và phục vụ người dân.

4. Thu hút nguồn lực chuyển đổi số

a) Tiếp tục duy trì đầu mỗi cán bộ chuyên trách CNTT hoặc phụ trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh để tham gia vào hoạt động chuyển đổi số; Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC chuyên trách CNTT của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

b) Tăng cường hoạt động thuê dịch vụ CNTT nhằm tận dụng nguồn nhân lực kỹ thuật chuyên sâu về CNTT từ các doanh nghiệp số tham gia quản trị, vận hành các hệ thống thông tin và nền tảng số trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

a) Thường xuyên tổ chức các đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm về các mô hình chuyển đổi số mới, hay trong và ngoài tỉnh để chọn lựa triển khai phù hợp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Tiếp tục duy trì và ký kết hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các doanh nghiệp số lớn của quốc gia có trụ sở trên địa bàn tỉnh (như: VNPT, Viettel, FPT,...) nhằm có thêm nguồn lực đồng hành cùng tỉnh trong việc tham gia triển khai chuyển đổi số lan tỏa đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

a) Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn đầu tư công của tỉnh năm 2024 và Nguồn vốn sự nghiệp năm 2024.

b) Các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số, bao gồm sử dụng nguồn lực lồng ghép trong các chương trình, dự án khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh

a) Kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả cao, đảm bảo thực hiện Kế hoạch mục tiêu đề ra.

b) Đôn đốc, điều phối chung việc triển khai hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết TTHC, cung cấp DVC TT, công bố trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; hướng dẫn công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và tạo lập, lưu trữ vào Kho dữ liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản nhằm đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nhằm đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; chủ động hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Định kỳ tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định, chính sách nhằm đẩy mạnh ứng dụng và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển Chính quyền số của tỉnh.

c) Phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình dự án đảm bảo đúng trình tự; tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

d) Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, các hoạt động về chuyển đổi số đến sâu rộng trong CBCCV, người dân và doanh nghiệp.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư công để triển khai các dự án thuộc trách nhiệm đầu tư từ ngân sách tỉnh đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo Luật Đầu tư công.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trình tự, thủ tục thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư công theo Luật Đầu tư công.

5. Sở Tài chính

Phối hợp các đơn vị liên quan và căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp hàng

năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện nhiệm vụ hoạt động chuyển đổi số theo Kế hoạch.

6. Sở Nội vụ

a) Đôn đốc, hướng dẫn và đưa vào khai thác, sử dụng chức năng hồ sơ lưu trữ phục vụ công tác lập hồ sơ điện tử và nộp lưu hồ sơ vào lưu trữ cơ quan trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hiện đại hóa nền hành chính.

7. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo hoạt động chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này. Căn cứ Kế hoạch này, ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành trong **tháng 01/2024** gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các nội dung về phát triển Chính quyền số theo Kế hoạch này; Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT; Tích hợp các CSDL của cơ quan, đơn vị vào hệ thống CSDL dùng chung của tỉnh; Tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các HTTT/CSDL của ngành với các HTTT/CSDL của tỉnh; Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị.

d) Khi đầu tư các ứng dụng CNTT, ứng dụng chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả quản thống nhất và đồng bộ, tránh trùng lắp, chồng chéo.

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí chi ngân sách thường xuyên của cấp huyện để thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số.

e) Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, cả năm tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ/dự án của cơ quan, đơn vị tại Danh mục nhiệm vụ/dự án thuộc kế hoạch này qua “Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tiền Giang”.

8. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin

Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

9. Đề nghị Báo Ấp Bắc; Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang, Cổng thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền chuyên đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin đầu tư, triển khai trong năm 2024 theo Phụ lục đính kèm.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2024. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị kịp thời thông tin về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT.UB Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, P.KT, TTHH-CB, TTPVHCC&KSTT;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Ấp Bắc;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT(Hiếu). *liaw*

11



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Vĩnh

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ, NHIỆM VỤ
HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ DỰ KIẾN NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số 541 /KH-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì triển khai	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Ghi chú
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ				226.420		
I	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP NĂM 2023				42.342		
1	Nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Tiền Giang	Cơ sở hạ tầng	Sở Thông tin và Truyền thông	Đầu tư dự án Nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Tiền Giang nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, chống các lỗ hổng bảo mật của hệ thống thư điện tử mà Cục an toàn thông tin đã cảnh báo, chống các thư rác; đảm bảo cung cấp dịch vụ tối ưu, đáp ứng việc cung cấp tài khoản người dùng cho công chức, viên chức theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh; đảm bảo trong thời gian tới cấp phát mở rộng lên từ 30.000 đến 40.000 tài khoản người dùng khi đăng nhập hệ thống đăng nhập 1 lần (SSO) của tỉnh để triển khai cho tất cả các đơn vị, lấy hệ thống thư điện tử làm tài khoản chính để đăng nhập, xác thực người dùng, đảm bảo đáp ứng tài nguyên mở rộng cho các máy chủ thư điện tử công vụ và các máy chủ khác tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.	4.979	2023 – 2025	Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 01/12/2021.
2	Xây dựng phần mềm hỗ trợ xác định các chỉ số Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	Ứng dụng CNTT	Sở Nội vụ	Đầu tư Xây dựng phần mềm hỗ trợ xác định các chỉ số Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh góp phần xây dựng nền hành chính tỉnh Tiền Giang hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Từng bước xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh hoàn chỉnh, đáp ứng thời đại công nghiệp, công nghệ 4.0. Đồng thời, tạo thuận lợi trong việc theo dõi, đánh	2.567	2023 – 2025	Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 01/12/2021.



STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì triển khai	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				giá trung thực, khách quan và công bằng kết quả thực hiện CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thị xã, thành phố.			
3	Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Cơ sở hạ tầng	Sở Thông tin và Truyền thông	Đầu tư dự án Trung tâm điều hành thông minh (IOC) nhằm tổng hợp tất cả các nguồn thông tin, dữ liệu hành ngày của tỉnh và của tất cả các lĩnh vực thiết yếu đối với người dân và chính quyền (an ninh, trật tự, giao thông, y tế, giáo dục, hành chính công, kinh tế xã hội). Qua đó, giúp điều phối, xử lý tình huống và giúp lãnh đạo các cấp điều hành một cách tổng thể; đồng thời, đáp ứng yêu cầu chức năng hệ thống theo các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, góp phần hoàn thành công tác chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang.	13.718	2023 – 2025	Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 08/12/2022.
4	Đầu tư tòa soạn đa phương tiện cho Báo Ấp Bắc	Cơ sở hạ tầng	Báo Ấp Bắc	Xây dựng hệ thống phần quản lý tòa soạn hội tụ nhằm mục đích thiết kế làm văn phòng tòa soạn của cơ quan báo chí hoàn toàn trên môi trường mạng internet, với chức năng chính về quản lý, điều hành tác nghiệp báo chí, quản lý quy trình xuất bản đồng bộ gồm cả báo in và báo điện tử từ khi viết bài, gửi bài về tòa soạn, các bước biên tập bước 1, bước 2, duyệt nội dung, xuất bản, chấm nhuận bút đồng bộ trên 1 nền tảng thống nhất. Nâng cấp báo điện tử Ấp Bắc theo hướng hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại 4.0, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI nhằm mang lại những trải nghiệm tối ưu cho độc giả báo điện tử, tăng cường khả năng tương tác giữa độc giả và tòa soạn, từng bước xây dựng Báo Ấp Bắc trở thành một tờ báo đa phương tiện hiện đại.	4.200	2023 – 2025	Quyết định số 3383/QĐ-UBND ngày 01/12/2021.
5	Đầu tư hạ tầng truyền thanh không dây	Cơ sở hạ tầng	Sở Thông tin và	Đầu tư dự án Đầu tư hạ tầng truyền thanh không dây nhằm hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở nhằm đổi mới phương thức cung cấp thông tin, nâng cao chất	9.998	2023 – 2025	Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 08/12/2022.

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì triển khai	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			Truyền thông	lượng nội dung thông tin để cung cấp, trao đổi thông tin theo chủ động, kịp thời, chính xác và hiệu quả; Hình thành cơ sở dữ liệu nguồn hệ thống thông tin cơ sở đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nguồn tuyên truyền, phổ biến đến người dân và phục vụ công tác quản lý nhà nước về thông tin cơ sở; Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, phụ trách về CNTT và cán bộ làm công tác thông tin cơ sở.			
6	Hệ thống thông tin ngành Thanh tra (Giai đoạn 1)	Cơ sở dữ liệu	Thanh tra tỉnh	Đầu tư trang bị các thiết bị CNTT bổ sung, thay thế các thiết bị hư hỏng không còn sử dụng được, phục vụ cho công tác nghiệp vụ thanh tra trên địa bàn tỉnh cũng như xây dựng, nâng cấp phần mềm quản lý công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phần mềm số hóa tài liệu hồ sơ ngành Thanh tra trong thời gian qua. Từ đó xây dựng một hệ thống thông tin ngành Thanh tra tập trung, hiệu quả, đáp ứng cho nhu cầu khai thác cơ sở dữ liệu điện tử phù hợp với mục tiêu chuyển đổi số đang được Đảng và nhà nước đặc biệt quan tâm.	6.879	2023 – 2025	Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày 08/12/2022.
II	CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024				184.078		
1	Đầu tư xây dựng mới Trung tâm tích hợp dữ liệu (giai đoạn 1)	Cơ sở hạ tầng	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng mới TTTHDL nhằm đổi mới và đồng bộ công nghệ, đảm bảo khả năng vận hành, cung cấp dịch vụ liên tục 24/7, đáp ứng hiệu năng hoạt động cho các ứng dụng CNTT dùng chung, phục vụ tốt công tác điều hành và hoạt động Chính quyền số của Tỉnh. Ngoài ra, TTTHDL mới sẽ được xây dựng để vận hành theo mô hình đám mây theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; Từng bước xây dựng TTTHDL tỉnh Tiền Giang đạt tiêu chuẩn Tier-3 (cấp độ 3 theo TCVN 9250:2012) nhằm tăng cường chất lượng dịch vụ, đảm bảo an toàn thông tin và đáp ứng các nhu cầu ngày càng	88.000	2023 – 2025	Đã trình báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (BCDXCTĐT)

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì triển khai	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Ghi chú
				cao trong phát triển CNTT của tỉnh.			
2	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng	Cơ sở hạ tầng	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn mô hình đảm bảo an toàn thông tin cấp tỉnh của Cục An toàn thông tin nhằm bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tiền Giang; Đáp ứng theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình “4 lớp”; thiết lập mạng lưới giám sát an toàn thông tin mạng đảm bảo liên kết liên thông với với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia.	7.933	2023 – 2025	Đã trình BCĐXCTĐT (Đã họp hội đồng thẩm định của tỉnh)
3	Xây dựng ứng dụng số phục vụ công dân số và doanh nghiệp số (giai đoạn 1).	Ứng dụng CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Ứng dụng số dành cho công dân số, doanh nghiệp số là cầu nối nhanh chóng và hiệu quả giữa người dân và chính quyền, hỗ trợ người dân tạo các phản ánh kiến nghị, ứng dụng nhằm tạo ra một công cụ tương tác tốt hơn giữa người dân doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước: ứng dụng công dân số TienGiangS, kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân, nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khai thác các tệp dữ liệu mở được cung cấp từ hệ thống cơ sở dữ liệu mở tỉnh Tiền Giang; Đồng thời, kênh giao tiếp số giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền, cung cấp cho người dân các thông tin chính xác, nguồn dữ liệu chính thống, đáng tin cậy.	19.957	2023 – 2025	Đã trình BCĐXCTĐT
4	HTTT ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (Giai đoạn 1)	Cơ sở dữ liệu	Sở Lao động, thương binh và Xã hội	Xây dựng HTTT ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (Giai đoạn 1)	11.000	2023 – 2025	

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì triển khai	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	HTTT ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Giai đoạn 1)	Cơ sở dữ liệu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thực hiện quản lý hồ sơ, số liệu các lĩnh vực về văn hóa, thể thao và du lịch trong tỉnh qua phần mềm quản lý; Chuyển đổi dần việc khai thác tài liệu lưu trữ tại Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch ở dạng giấy sang khai thác dưới dạng file điện tử, giúp cho việc cung cấp thông tin được nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian; góp phần cải cách TTHC, nâng cao hoạt động ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, lưu trữ, báo cáo.	1.994	2023 – 2025	Đã trình BCDXCTĐT (Ngày 10/10/2023)
6	HTTT ngành Công an (Giai đoạn 1)	Cơ sở dữ liệu	Công an tỉnh	- Đầu tư mua sắm, lắp đặt phần cứng và phần mềm hệ thống để lưu trữ, xử lý thông tin tập trung, đồng thời tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu do Công an tỉnh quản lý và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bên ngoài đáp ứng yêu cầu chỉ huy điều hành, xử lý, ứng phó vụ việc và quản lý nhà nước về an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông. - Xây dựng các phần mềm AI tích hợp hệ thống camera sẵn có; Trang bị hệ thống số hóa trong quản lý công tác phòng cháy, hệ thống giám sát điều hành chữa cháy trực tuyến.	24.920	2023 – 2025	
7	HTTT ngành Tài nguyên và Môi trường (Giai đoạn 1)	Cơ sở dữ liệu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hệ thống thông tin ngành TN&MT giúp thực hiện mục tiêu kết nối, chia sẻ dữ liệu, thông tin tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử theo đúng quy định tại Nghị định 73/2017/NĐ-CP là một trong những giải pháp cụ thể, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn hiện nay đối với ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang nói riêng và cả nước nói chung, đáp ứng yêu cầu sử dụng khai thác thông tin tài nguyên và môi trường của các ngành trong phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.	11.898	2023 – 2025	Đã trình BCDXCTĐT (Ngày 13/10/2023)

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì triển khai	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8	HTTT ngành Nông nghiệp (Giai đoạn 1)	Cơ sở dữ liệu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động Nông nghiệp và PTNT góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của ngành; Nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Triển khai các dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng CNTT giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh.	5.473	2023 – 2025	Đã trình BCĐXCTĐT (Ngày 13/10/2023)
9	HTTT ngành Công thương (Giai đoạn 1)	Cơ sở dữ liệu	Sở Công Thương	Hệ thống thông tin ngành Công Thương (giai đoạn 1) được trang bị nhằm đáp ứng các nhu cầu quản lý nhà nước các chuyên ngành (công nghiệp, thương mại, năng lượng,...) của Sở Công Thương được tốt hơn. Trên cơ sở cập nhật thường xuyên về thông tin các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của ngành thì người dùng có thể dễ dàng truy xuất thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời. Việc ứng dụng được cài đặt trên cả máy tính và thiết bị di động sẽ giúp người dùng dễ dàng cập nhật hoặc truy xuất thông tin mọi lúc, mọi nơi, đáp ứng tốt hơn cho việc tham mưu các nhiệm vụ được giao.	4.368	2023 – 2025	Đã trình BCĐXCTĐT lần 3 (Báo cáo số 3053/BC-SCT ngày 02/11/2023)
10	Hệ thống thông tin ngành Xây dựng (Giai đoạn 1)	Cơ sở dữ liệu	Sở Xây dựng	Thiết lập hệ thống các bản đồ, cơ sở dữ liệu địa lý đồng bộ, đầy đủ, chi tiết, chính xác cao đáp ứng các yêu cầu phục vụ Quản lý quy hoạch và phát triển đô thị nhằm đảm bảo tất cả các ứng dụng phục vụ quản lý đô thị và cung cấp thông tin đều sử dụng chung một hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống bản đồ chung và thống nhất. Thiết lập một hệ thống phần mềm, các ứng dụng công khai thông tin và phục vụ nghiệp vụ quản lý Nhà nước ngành Xây dựng Tiền Giang một cách tập trung, thống nhất đáp ứng nhu cầu về ứng dụng CNTT, ứng dụng công nghệ GIS/bản đồ cho các đơn vị tham gia vào quản lý quy hoạch và phát triển đô thị,...	8.535	2023 – 2025	Đã trình BCĐXCTĐT (Tờ trình số 2916/TTr-SXD ngày 06/10/2023)

STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì triển khai	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Ghi chú
B	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP				38.761		
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp theo giai đoạn				7.704		
1	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Thuê dịch vụ CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2023.	6.259	2022 – 2024	
2	Thuê lưu trữ hạ tầng lưu trữ phục vụ Công thông tin điện tử tỉnh	Thuê dịch vụ CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Thuê lưu trữ hạ tầng lưu trữ phục vụ công TTĐT tỉnh năm 2023.	1.115	2022 – 2024	
3	Thuê hệ thống lắng nghe, giám sát hỗ trợ quản lý mạng xã hội và thông tin mạng	Thuê dịch vụ CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Thuê hệ thống lắng nghe, giám sát, hỗ trợ quản lý mạng xã hội và thông tin mạng năm 2023.	330	2022 – 2024	
II	Nhiệm vụ mới năm 2024						
1	Tập huấn chuyển đổi số cho tổ công nghệ số cộng đồng	Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	Nâng cao kỹ năng số cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng để thực hiện truyền thông, hướng dẫn người dân các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; chuyên giao, hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số và các ứng dụng trên app công dân số (TienGiangS).	14	2024	
2	Lớp chuyên đề về ứng dụng CNTT	Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	Cung cấp những kiến thức, kỹ năng sử dụng CNTT, các hệ thống CNTT dùng chung nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước.	126	2024	



STT	Danh mục dự án, nhiệm vụ	Lĩnh vực	Đơn vị chủ trì triển khai	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Đào tạo bảo mật an ninh thông tin	Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	Nâng cao trình độ kỹ thuật về an toàn an ninh thông tin cho cán bộ phụ trách an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.	99	2024	
4	Tuyên truyền về chính quyền số cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ công chức, viên chức	Tuyên truyền	Sở Thông tin và Truyền thông	Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; cung cấp các kiến thức về công nghệ áp dụng trong chuyển đổi số và xu hướng mới để đảm bảo nguồn lực tham gia chuyển đổi số.	100	2024	
5	Triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung và chia sẻ thông tin mã độc	Thuê dịch vụ CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai phần mềm phòng chống mã độc, bảo vệ máy trạm, thiết bị đầu cuối theo Chỉ thị số 14/CT-TTg	5.298	2024	
6	Thuê hạ tầng dịch vụ hệ thống Chính quyền số	Thuê dịch vụ CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Thuê hệ thống đường truyền và hệ thống lưu trữ cho các hệ thống camera thông minh, wifi thông minh, du lịch thông minh. Thuê hạ tầng camera, wifi,...	19.341	2024	
7	Thuê dịch vụ triển khai phần mềm họp trực tuyến 2 chiều cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Thuê dịch vụ CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Thuê dịch vụ họp trực tuyến 2 chiều (phần mềm, đường truyền dùng riêng phục vụ cho cuộc họp).	5.779	2024	